

## THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VỐN TỪ NGỮ HÁN VIỆT CHO HỌC SINH QUA GIỜ ĐỌC HIỂU TÁC PHẨM VĂN HỌC VIỆT NAM TRUNG ĐẠI

Nhận bài:

09 – 05 – 2015

Chấp nhận đăng:

01 – 11 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Lê Thị Thanh Tịnh

**Tóm tắt:** Từ ngữ Hán Việt là một bộ phận quan trọng, gắn bó chặt chẽ với sự phát triển của tiếng Việt, góp phần làm cho tiếng Việt thêm phong phú, giàu đẹp. Phát triển ngôn ngữ nói chung và việc phát triển từ ngữ Hán Việt cho học sinh nói riêng là nhiệm vụ được thực hiện đồng thời và diễn ra trong suốt tiến trình dạy học đọc hiểu tác phẩm văn học. Cũng vì lẽ đó, thiết nghĩ, việc lồng ghép nhiệm vụ phát triển từ ngữ Hán Việt cho HS phổ thông trong giờ đọc hiểu TPVH Việt Nam trung đại là vô cùng hợp lí và cần thiết.

**Từ khóa:** phát triển ngôn ngữ; dạy học từ ngữ Hán Việt; các bước đọc hiểu tác phẩm văn học; văn học Việt Nam trung đại; Ngữ Văn lớp 10.

### 1. Giới thiệu

Chúng tôi nhận thấy rằng: so với các tác phẩm văn học (TPVH) hiện đại, lượng từ ngữ Hán Việt (HV) xuất hiện trong các TPVH Việt Nam trung đại nhiều hơn, đa dạng và phức tạp hơn. Do đó, việc phát triển từ ngữ HV qua giờ đọc hiểu các TPVH Việt Nam trung đại là hướng đi thiết thực và giàu tính khả thi.

### 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Cơ sở lý thuyết

- Lí luận giáo dục về việc phát triển ngôn ngữ cho HS phổ thông;
- Lí thuyết điều tra xã hội học;
- Nghĩa của từ trong hoạt động giao tiếp và sự tích lũy vốn từ;
- Cơ sở ngôn ngữ học về lớp từ ngữ HV.

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

##### 2.2.1. Phương pháp phân tích – tổng hợp

- Phân tích các năng lực sử dụng từ ngữ Hán Việt của HS;

- Phân tích và khái quát kết quả thực nghiệm.

##### 2.2.2. Phương pháp quan sát - điều tra

- Điều tra tình hình dạy học đọc hiểu TPVH Việt Nam trung đại ở một số trường trung học phổ thông bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp;
- Điều tra năng lực đọc hiểu từ ngữ Hán Việt trong các TPVH trung đại và khả năng sử dụng từ ngữ Hán Việt của HS lớp 10 ở một số trường trung học phổ thông bằng bảng hỏi.

### 3. Kết quả và đánh giá

#### 3.1. Kết quả

##### 3.1.1. Những khó khăn khi dạy học đọc hiểu TPVH Việt Nam trung đại ở nhà trường phổ thông

Văn học trung đại Việt Nam (nền văn học tính từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX) “là giai đoạn hình thành và phát triển rực rỡ của văn học Việt Nam, là giai đoạn hình thành các truyền thống lớn về tư tưởng và nghệ thuật” (Trần Đình Sử). Văn học trung đại Việt Nam là tinh hoa, cốt cách của dân tộc ta. Đó là điểm kết tinh tư duy, trí tuệ của cha ông, là điểm lưu giữ tâm hồn tổ tiên người Việt, là nơi hội tụ linh hồn bản sắc nguồn cội... Trải hơn mười thế kỉ đầy bão táp của lịch sử, hàng loạt TPVH đã ra đời; vượt qua rào cản của không gian, thời gian để khẳng định vị thế của mình trong lòng người đọc và trở thành tài sản quý của nền văn học Việt Nam.

\* Liên hệ tác giả

Lê Thị Thanh Tịnh

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Email: hevea.ttl@gmail.com

Với sức nặng về nội dung và nghệ thuật, trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn, những tác phẩm văn chương thuộc giai đoạn trung đại chiếm vị trí quan trọng và số lượng không hề nhỏ.

Tuy nhiên, giảng dạy những tác phẩm ấy như thế nào để đi vào lòng HS, để các em thực sự hiểu và cảm vẫn là nỗi băn khoăn của nhiều thầy cô giáo. Nhiều GV cho đến nay vẫn cảm thấy khó khăn và nặng nề khi giảng dạy các TPVH Việt Nam trung đại, dẫn đến chất lượng dạy học văn học trung đại trong các trường phổ thông hiện nay đang ở mức đáng báo động.

Văn học trung đại là một địa hạt khó đối với GV và HS phổ thông. Về phía HS, các em hầu như không hứng thú khi học TPVH Việt Nam trung đại. Cái hay mỗi thời mỗi khác, có những quan niệm xưa cho là hay là đẹp thì nay đã trở nên xa lạ, nếu không có vốn tri thức nhất định về văn hóa, văn học thì không thể hiểu được. Tâm lí này trực tiếp đẩy quá trình tiếp nhận TPVH Việt Nam trung đại của bạn đọc hiện đại nói chung và của HS phổ thông nói riêng đến một sự lệch pha lớn về khoảng cách thẩm mỹ, tầm đón đợi và tầm tiếp nhận, như lí luận của Bộ GD&ĐT (khi không đưa nội dung văn học trung đại trong phạm vi thi tốt nghiệp và thi đại học) là: “đã khó lại không thiết thực”. Điều này càng thúc đẩy tâm lí chán nản của cả người dạy và người học văn học trung đại.

Ngoài ra, khác biệt về mặt chữ viết (chữ Hán, chữ Nôm) cũng là một rào cản lớn trong việc tiếp nhận TPVH Việt Nam trung đại. Mặc dù, trong văn bản SGK, các em được học TPVH Việt Nam trung đại thông qua lớp từ thuần Việt và Hán Việt nhưng thật không dễ dàng để thâm thấu hết vẻ đẹp toàn bích của tác phẩm văn chương trung đại khi bản thân GV và HS chưa hiểu hết lớp từ ngữ Hán Việt. Xây dựng trên phương tiện là văn tự Hán, Nôm với nhiều từ cổ – một thứ văn tự không còn được dùng làm phương tiện sáng tác, văn học trung đại gần như trở nên xa lạ trên chính mảnh đất đã sản sinh ra nó trong thời hiện đại. Thứ văn tự cổ này không phải dễ học như chữ quốc ngữ hiện tại, nó là thách thức lớn đối với bạn đọc nói chung, đặc biệt là HS phổ thông. Hiểu được giá trị nội dung của TPVH Việt Nam trung đại trước hết phải thông hiểu ý nghĩa của từng câu chữ. Điều này không phải dễ bởi tính hàm súc của các thực từ được sử dụng trong sáng tác, mà nhất là thơ. Hơn thế nữa, ý nghĩa tác phẩm lại chủ yếu là nghĩa phát sinh, cộng hưởng trong quan hệ nội tại của câu chữ chứ

không phải nghĩa trực tiếp từ câu chữ. Ngôn ngữ sáng tác văn học trung đại dù Hán hay Nôm nhìn chung là thứ ngôn ngữ được chất lọc, mang tính cao quý, đôi khi lại trở nên kiêu cách, xa lạ với mọi người. Và bản thân tính song ngữ trong sáng tác càng làm cho việc tiếp nhận tác phẩm trở nên phức tạp hơn.

Cũng cần phải nói thêm rằng: thời lượng đọc hiểu một TPVH Việt Nam trung đại thường gói gọn trong một tiết học, vì thế, để giúp các em nắm được mục tiêu cơ bản của tiết học và đảm bảo đúng thời lượng tiết học, con đường nhanh nhất mà nhiều GV hay lựa chọn là cảm thụ thay HS. Cũng có trường hợp, GV tường tận về nội dung ngữ nghĩa của các từ ngữ Hán Việt trong văn bản TPVH nên thường suy diễn theo cảm tính. Giờ đọc hiểu TPVH trung đại vì thế mà đâm ra nhàm chán và áp đặt.

Ngoài ra, văn học trung đại Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn đầu, đã sử dụng một hệ thống thể loại vay mượn như: lịch, chiếu, biểu, cáo,... hay thơ Đường luật. Những thể loại văn học cổ này nếu không mang tính chất hành chính quan phương thì cũng chịu những ràng buộc về vần, niêm, luật, đối rất khắt khe, không dễ làm và không phải ai cũng làm được. Bên cạnh đó, tính chất tổng hợp của tác phẩm xuất phát từ quan niệm văn sử triết bất phân trong sáng tác đòi hỏi người tiếp nhận không chỉ có sự từng trải hay kiến thức văn học, lí luận mà còn phải am hiểu nhiều lĩnh vực kiến thức, nhất là về lịch sử, văn hóa, tư tưởng mới có thể khám phá hết giá trị của mỗi tác phẩm. Lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam cùng với các khái niệm, phạm trù đầy tính trừu tượng, biến hóa của các hệ tư tưởng ngoại nhập Nho – Phật – Đạo không phải là những kiến thức dễ học. Điều này quả là một đòi hỏi cao với những HS đang còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông.

Văn học trung đại là sản phẩm của một kiểu tư duy riêng, một hệ thống thi pháp riêng không giống với văn học hiện đại. Đó là kiểu tư duy mang tính trừu tượng, khó nắm bắt. Ngoài việc sử dụng nhiều điển tích, điển cố khó nhớ, khó thuộc, văn học trung đại, nhất là thơ còn chỉ gợi mà không tả, tạo ra tính đa nghĩa nên phát hiện ra đúng ý nghĩa của nó thì không phải dễ.

Trong khi đó, dù biết TPVH là một chỉnh thể trong đó các yếu tố có liên quan chặt chẽ với nhau, nhưng GV lại ít chú ý đến đặc điểm này. Một số GV lại nặng về giảng giải nội dung, phân tích các sự kiện lịch sử, giảng dạy văn học trung đại như các hiện tượng lịch sử, nên

không khai thác hết các giá trị thẩm mỹ của văn chương cổ, đặc biệt là về thi pháp thể loại và nghệ thuật ngôn từ của tác phẩm. Điều này vô tình đã đánh mất một phần nào giá trị tác phẩm và tạo tâm lí e ngại cho HS khi tiếp xúc với văn bản TPVH Việt Nam trung đại.

Một nguyên nhân nữa dẫn đến khó khăn trong việc đọc hiểu TPVH Việt Nam trung đại của GV và HS là: nhiều văn bản gốc và tài liệu quý liên quan đến các TPVH Việt Nam trung đại đến nay không còn nữa. Do đó, có thể nói văn bản các TPVH Việt Nam trung đại được lưu giữ hiện tại vừa thiếu, vừa tản mát, lại vừa có nhiều dị bản. Chưa kể, hầu hết TPVH Việt Nam trung đại còn lại đến nay đều tồn tại dưới dạng văn bản dịch chứ không phải nguyên bản. Văn bản dịch, nhất là văn bản thuộc thể loại trữ tình không thể nào truyền tải hết ý nghĩa mà văn bản gốc muốn thể hiện. Đôi khi, vì những qui định của thể loại mà văn bản dịch còn làm sai lệch nội dung câu chữ của văn bản gốc. Đa số văn bản văn học trung đại được dùng trong SGK hiện nay là văn bản dịch, do đó, tất yếu có những sai lệch về ngôn từ nghệ thuật. Nếu đòi hỏi tri thức Hán Nôm chuyên sâu mới hiểu được tác phẩm thì đây là một yêu cầu quá sức không chỉ với HS mà cả GV. Điều này gây khó khăn lớn ngay trong việc minh giải văn bản - khâu đầu tiên của việc tiếp nhận TPVH Việt Nam trung đại ở GV cũng như HS phổ thông.

### 3.1.2. Tình hình dạy học đọc hiểu TPVH Việt Nam trung đại ở trường THPT

Theo quan sát thực tế của chúng tôi, một số giờ dạy học đọc hiểu TPVH Việt Nam trung đại ở nhiều trường phổ thông chỉ đơn thuần là giờ phân tích nội dung cơ bản của tác phẩm. Việc tiếp nhận về đẹp của TPVH Việt Nam trung đại chủ yếu được thực hiện theo cơ chế: GV cảm nhận thay và truyền đạt lại cho HS, chứ không hoàn toàn xuất phát từ việc hướng dẫn HS minh giải văn bản TPVH trung đại để nắm được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, vô hình trung, càng làm cho HS thêm nản chí, thậm chí là trở nên vô cảm với các TPVH cổ điển của dân tộc [6].

GV cần lưu ý rằng: mỗi TPVH ở mỗi thời kì văn học thường mang những đặc điểm riêng về nội dung và thi pháp. Theo đó, do những đặc điểm khách quan mà giữa các TPVH Việt Nam trung đại và HS luôn tồn tại độ vênh nhất định về khoảng cách thẩm mỹ và tầm đón nhận [8]. Điều này buộc GV phải linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động học tập trên lớp nhằm xóa bỏ

hoặc chí ít là làm giảm đi độ vênh đó. Theo đó, việc lồng ghép hoạt động phát triển lớp từ ngữ Hán Việt cho HS trong giờ đọc hiểu các TPVH Việt Nam trung đại được xem là một phương án thích hợp, góp phần thu hẹp khoảng cách thẩm mỹ và nâng cao tầm đón nhận tác phẩm cho HS [1]. Tuy nhiên, trên thực tế, do sự hạn hẹp về thời gian và cả sự hạn chế về mặt kĩ năng, tri thức mà không ít GV đã “làm ngơ” trước những đặc thù này và đã bỏ qua cơ hội phát triển lớp từ ngữ Hán Việt cho HS, cụ thể là:

- GV thường không chủ động rà soát lại những từ ngữ Hán Việt khó (mà SGK không chú thích) để giải nghĩa cho HS;

- GV thường không giao bài tập về phân tích giá trị nghệ thuật của các từ ngữ Hán Việt đóng vai trò “nhân tố” trong câu thơ/ câu văn/ đoạn văn... cho HS tự nghiên cứu, tìm hiểu;

- GV thường không kết nối các thao tác định nghĩa từ, mở rộng vốn từ và luyện tập sử dụng từ ngữ Hán Việt cho HS;

- GV thường không vấn đáp, ôn tập, kiểm tra lại những hiểu biết của học sinh về những từ ngữ Hán Việt (trong TPVH Việt Nam trung đại) đã được học hoặc đã xuất hiện trước đó (trong các bài đọc hiểu văn bản hoặc các bài học, bài luyện tập về từ ngữ Hán Việt trong hệ thống SGK Ngữ văn).

Chúng tôi cho rằng, những thiếu sót trên không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy học đọc hiểu TPVH Việt Nam trung đại mà còn hạn chế sự phát triển năng lực sử dụng lớp từ ngữ Hán Việt của HS.

#### 1.1.1. Năng lực sử dụng từ ngữ Hán Việt của học sinh trung học phổ thông

Qua phát phiếu điều tra với tổng số 516 HS thuộc khối 10 các Trường Trung học phổ thông trên địa bàn TP. Huế, chúng tôi đã thu được những kết quả về thực trạng hiểu và sử dụng từ Hán Việt của HS. Khi xem xét khả năng hiểu và sử dụng từ Hán Việt của HS, chúng tôi tập trung lưu ý và khảo sát những lỗi thường gặp.

Sau khi thu thập và xử lí kết quả khảo sát, chúng tôi có được dữ liệu sau:

**Bảng 1.** Khảo sát năng lực sử dụng từ ngữ Hán Việt của HS

Năng lực	Tốt	Trung bình	Không có khả
----------	-----	------------	--------------

			năng
Nhận diện từ ngữ Hán Việt	37.2 %	39.9 %	22.9 %
Hiểu và giải thích nghĩa của từ ngữ Hán Việt	26.4 %	54.1 %	19.5 %
Vận dụng từ ngữ Hán Việt trong giao tiếp ngôn bản và văn bản	24.4 %	57.4%	18.2 %

**Hình 1.** Năng lực sử dụng từ ngữ Hán Việt của HS



**\* Nhận xét:**

- Nhận xét chung:

+ HS đạt loại tốt chỉ chiếm tỉ lệ thấp (trung bình khoảng 29.3%) và có xu hướng giảm khi mức độ khảo sát năng lực cao dần;

+ Tỉ lệ HS không có khả năng phân biệt từ ngữ Hán Việt và từ thuần Việt là cao nhất trong nhóm HS không có khả năng sử dụng từ ngữ Hán Việt;

- Nhận xét chi tiết:

+ Về khả năng nhận diện từ Hán Việt

Có tới 22.9% số HS được khảo sát không có khả năng nhận biết được từ Hán Việt. Đây là một con số không nhỏ bởi gần như một phần ba số HS tỏ ra mơ hồ và không phân biệt được yếu tố Hán Việt, từ Hán Việt với các từ thuần Việt.

Đối với các HS được khảo sát, có ba vấn đề cần lưu ý là:

•Không phân biệt từ ghép Hán Việt và yếu tố Hán Việt;

•Không phân biệt được từ Hán Việt và từ thuần Việt;

•Không phân biệt được từ Hán Việt với từ nước ngoài được Việt hoá âm đọc.

Còn lại, phần lớn (77.1%) HS thuộc 6 lớp khối 10 của trường có khả năng nhận biết từ Hán Việt tuy nhiên, điều đáng chú ý là tỉ lệ HS có khả năng nhận biết từ ngữ Hán Việt tốt (37.2 %) lại thấp hơn tỉ lệ các em có khả năng nhận biết trung bình (39,9%). Điều này chứng tỏ vốn từ ngữ Hán Việt của các em chưa nhiều, độ hiểu biết về Hán Việt chưa sâu, cũng như khả năng vận dụng các tri thức ngôn ngữ về từ Hán Việt trong đời sống và đặc biệt là trong cảm thụ các TPVH chưa thật chuẩn xác, tinh tế.

+ Về khả năng hiểu và giải thích nghĩa của từ Hán Việt

Có đến 80,5% HS trả lời được yêu cầu đưa ra, đó là một con số khá cao cho thấy sự cố gắng của các em trong việc thể hiện khả năng hiểu biết của mình về từ Hán Việt. Tuy nhiên, số câu trả lời đúng chỉ chiếm khoảng 26,4%. Bên cạnh đó có đến 19,5% số HS hoàn toàn không có khả năng hiểu và giải thích nghĩa của từ Hán Việt. Thực tế cho thấy: phần đông các em không thể tìm ra nghĩa gốc của yếu tố Hán Việt, đặc biệt là trường hợp các từ ghép Hán Việt và từ ghép có yếu tố Hán Việt. Những câu trả lời của các em phần lớn chỉ dựa vào thói quen sử dụng ngôn ngữ để giải thích, tức là dựa vào năng lực ngôn ngữ bẩm sinh của người bản ngữ chứ không có sự tác động của tri thức ngôn ngữ học về từ ngữ Hán Việt.

+ Về khả năng vận dụng từ ngữ Hán Việt trong hoạt động giao tiếp (bằng lời nói và văn bản) và trong phân tích giá trị của ngôn từ nghệ thuật trong TPVH.

Qua việc thực hiện yêu cầu đặt câu có chứa từ ngữ Hán Việt và phân tích giá trị nghệ thuật của từ Hán Việt trong các ngữ liệu văn học cụ thể, các HS được khảo sát đã bộc lộ một số điểm yếu sau:

Thứ nhất, các em tỏ ra vụng về trong cách dùng từ ngữ Hán Việt. Một số HS (18.2%) mắc lỗi do không hiểu thấu đáo hoặc hiểu sai nghĩa của từ ngữ Hán Việt; phần đông còn lại chưa sử dụng chuẩn xác sắc thái biểu cảm của từ ngữ Hán Việt (75.6%). Điều này dẫn đến việc, các câu văn do HS đặt ra nghe rất lủng củng thậm chí vi phạm logic về ngữ nghĩa.

Thứ hai, rất nhiều (42%) HS mắc lỗi chính tả khi viết từ ngữ Hán Việt. Các lỗi phổ biến là: sai phụ âm đầu, sai thanh điệu và sai phụ âm cuối.

### 3.2. Đánh giá

Dữ liệu khảo sát của bài báo này là 516 phiếu điều tra được phát ra cho các HS thuộc khối 10 trên địa bàn TP.Huế vì thế kết quả phân tích không hoàn toàn chính xác trên diện rộng. Vì thế cần có những đề tài nghiên cứu lớn hơn, triển khai trên quy mô rộng hơn để có được kết quả chính xác nhất.

### 4. Kết luận

Kết quả chung sau khi khảo sát năng lực nhận biết, thông hiểu và vận dụng từ ngữ Hán Việt, cho thấy: mặc dù các em HS khối 10 đã có hơn 9 năm học làm quen với từ Hán Việt và nội dung dạy học về từ ngữ Hán Việt trong SGK Ngữ Văn các bậc học dưới được trình bày khá rõ ràng và liền mạch nhưng đa phần HS khối 10 vẫn còn lúng túng, mơ hồ trong việc giải nghĩa và sử dụng

từ ngữ Hán Việt. Đây là một thực trạng mà GV và HS cần nhìn nhận và tìm giải pháp khắc phục.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (2010) “Phương pháp dạy học Tiếng Việt”, Nxb Giáo dục, H.
- [2] Đào Duy Anh (1999), “Hán Việt từ điển”, Nxb KHXH, H.
- [3] Bộ Giáo dục & Đào tạo (2009), Sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập 1, 2, Nxb GD, H.
- [4] Bộ Giáo dục & Đào tạo (2009), Sách giáo viên Ngữ văn 10, tập 1, 2, Nxb GD, H.
- [5] Bộ Giáo dục & Đào tạo (2009), Hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng lớp 10, Nxb GD, H.
- [6] Trương Đình (2000), “Phát triển ngôn ngữ cho học sinh phổ thông”, Nxb Đà Nẵng.
- [7] Lê Đình Khẩn (2002), “Từ vựng gốc Hán trong tiếng Việt”, Nxb ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.
- [8] Trần Hữu Phong (2013), “Bài giảng chuyên đề: Phát triển ngôn ngữ cho học sinh phổ thông”, Khoa Ngữ văn, ĐH Sư phạm – ĐH Huế.

## THE STATUS QUO OF THE “SINO-VIETNAMESE” VOCABULARY DEVELOPMENT FOR STUDENTS THROUGH READING COMPREHENSION CLASSES BASED ON MIDDLE-PERIOD VIETNAMESE LITERARY WORKS

**Abstract:** The Sino-Vietnamese vocabulary is an important integral part of the Vietnamese language development, which helps to enrich and beautify the Vietnamese language. The tasks of developing students' language in general and improving their Sino-Vietnamese vocabulary in a particular are supposed to be concurrently performed throughout the process of teaching and learning literary reading comprehension. Therefore, it is crucial and reasonable to integrate the improvement of primary school students' Sino-Vietnamese vocabulary into their reading comprehension classes based on middle-period Vietnamese literary works.

**Key words:** language development; teaching and learning Sino-Vietnamese vocabulary; steps for literary reading comprehension; middle-period Vietnamese literature; Linguistics and Literature Grade 10.